

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 35/2021/HSST

Ngày: 08/6/2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Lợi

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Huyền – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:* Ông Trần Mạnh Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 22/2021/TLST-HS ngày 20/4/2021 đối với bị cáo:

Đới Văn M, Sinh năm 1990

Nơi ĐKKHKT: Thôn 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Dân tộc Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Đới Văn C, sinh năm 1962; và bà: Lê Thị L, sinh năm 1966; Vợ: Hoàng Thị V, sinh năm 1990. Có 01 con sinh năm 2011; Tiền sự: không;

Tiền án: Ngày 08/04/2019, bị TAND TP. Sầm Sơn xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Ngày 24/12/2019 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích).

Nhân thân: Ngày 21/8/2014, bị TAND huyện Quảng Xương xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.(Ngày 09/02/2015 chấp hành xong, đã được xóa án tích).

Tạm giữ ngày 21/11/2020. Tạm giam ngày 30/11/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Anh Võ Văn D, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 6, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Nguyễn Viết C, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 3, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

3 .Anh Trần Văn L, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 5, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

4. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1959 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 4, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

5. Anh Lê Trọng T, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 4, xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Phạm Minh T1, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Nguyễn Viết T2, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

4. Anh Trình Xuân H1, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

5. Anh Nguyễn Đức D1, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền mua ma túy sử dụng nên vào khoảng 08h ngày 06/11/2020, Đới Văn M điều khiển xe mô tô BKS 36F1-6450 đi tìm nhà nào sơ hở thì trộm cắp tài sản. Trên đường đi, M phát hiện nhà bà Phạm Thị T không có cửa cổng, cửa nhà không khóa; quan sát không có ai ở nhà, M đi vào phòng khách nhà bà T lấy 01 chiếc ti vi hiệu Sam sung màn hình cong, loại 53inch để trên kệ gỗ và 01 chiếc điện thoại Oppo A37 để trên bàn cạnh tivi. Sau đó đem về nhà cất giấu. Đến khoảng 17giờ cùng ngày M gọi điện cho anh Hoàng Văn H là người đã mua tivi của M trước đó để chào bán tivi. Do biết em rể là Trình Xuân H1 đang có nhu cầu mua tivi nên anh H gọi điện cho H1, H1 đồng ý mua. Sau đó H gọi điện cho M đem tivi đến nhà mình. M đã bán tivi trên cho H1 với số tiền 3.400.000đ, còn chiếc điện thoại Oppo A37 ngày 20/11/2020, M bán cho anh Nguyễn Đức D1 làm nghề mua bán, sửa chữa điện thoại với giá 400.000đ. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, biết không thể trốn tránh được, ngày 21/11/2020 Đới Văn M đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Q đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra, M còn khai nhận: Cũng bằng thủ đoạn như trên trong thời gian từ ngày 27/10/2020 đến ngày 19/11/2020, M còn thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản khác trên địa bàn huyện Q và 01 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố S, tỉnh Thanh Hóa, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 13h ngày 27/10/2020, M điều khiển xe mô tô BKS 36F1-6450 đi tìm nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản. M phát hiện thấy nhà anh Võ Văn D không khóa cửa, quan sát không có người ở nhà, M đi vào nhà lấy 01 tivi hiệu Sony 48 inch để trên kệ gỗ tại gian phòng khách. Sau đó mang đi bán. Trên

đường đi M gặp anh Hoàng Văn H, M đã bán tivi trên cho anh H với giá 2.900.000đ.

Vụ thứ hai: Khoảng 09h ngày 05/11/2020, M điều khiển xe mô tô BKS 36F1-6450, đi tìm nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản. M phát hiện thấy nhà anh Trần Văn L không có người ở nhà, M đi vào lấy 01 chiếc tivi hiệu LG 49 inch để trên kệ gỗ. Sau đó M chở tivi đến nhà Phạm Văn T3 SN 1984 ở thôn 10, xã Q, huyện Q để nhờ T3 đi cùng mình bán tivi. Trên đường đi đến nhà T3, M đã làm vỡ màn hình tivi. Đến nhà T3, M nhờ T3 giữ hộ tivi để đi sửa. Sau đó cả hai chở tivi đến nhà anh Nguyễn Viết T2 làm nghề mua bán, sửa chữa tivi bán. Do tivi bị vỡ màn hình nên anh T2 chỉ mua với giá 500.000đ.

Vụ thứ ba: Khoảng 13h ngày 02/11/2020, M điều khiển xe mô tô BKS 36F1-6450 đi tìm nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản. M phát hiện nhà anh Nguyễn Viết C không khóa cửa, quan sát không thấy có người ở nhà. M đi vào nhà lấy 01 chiếc tivi hiệu LG 55 inch để trên kệ gỗ. Sau đó M chở đến nhà anh Phạm Minh T1 bán với giá 5.500.000đ.

Vụ thứ tư: Khoảng hơn 10h ngày 19/11/2020, M điều khiển xe mô tô BKS 36F1-6450 từ xã Q, thành phố S về nhà. Trên đường về, M thấy nhà anh Lê Trọng T không có người ở nhà và không khóa cửa cổng. M đi xe vào dựng ở sân rồi đi bộ vào nhà lấy 01 chiếc tivi nhãn hiệu LG màn hình phẳng loại 43inch để trên kệ gỗ của phòng khách. Sau đó M chở đến cửa hàng sửa chữa tivi của anh Nguyễn Viết T2 bán với giá 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Toàn bộ số tiền có được do bán tài sản trộm cắp M đã mua ma túy sử dụng, tiêu sài cá nhân và trả nợ hết nên không thu hồi được.

Căn cứ vào lời khai của Đới Văn M, Cơ quan CSĐT Công an huyện Q đã thông báo cho Trình Xuân H1, Nguyễn Đức D1, Nguyễn Viết T2, Phạm Minh T1, Hoàng Văn H biết những chiếc tivi và điện thoại mà họ mua của M là tài sản do M trộm cắp mà có. Sau khi biết các tài sản trên là do M trộm cắp mà có, những người này đã tự nguyện giao nộp lại cho CQĐT Công an huyện Q để giải quyết theo quy định pháp luật. Quá trình điều tra, xác định khi mua số tài sản trên H1, D1, Nguyễn Viết T2, Phạm Minh T1 và H không biết đó là tài sản do M trộm cắp mà có nên không có cơ sở để xử lý hình sự về tội tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có.

Ngày 26/11/2020, Hội đồng định giá tài sản huyện Q kết luận: Chiếc tivi LG màn hình phẳng 49 inch màu đen của anh Trần Văn L trị giá 10.500.000đ; Chiếc tivi LG màn hình phẳng 55 inch của anh Nguyễn Viết C trị giá 16.000.000đ; Chiếc tivi Sony màn hình phẳng 48 inch của anh Võ Văn D trị giá 9.000.000đ.

Ngày 27/11/2020, Hội đồng định giá tài sản huyện Q kết luận: Chiếc tivi hiệu Samsung màn hình cong 53 inch của bà Phạm Thị T trị giá 15.000.000đ, chiếc điện thoại OPPO A37 trị giá 1.000.000đ.

Ngày 18/12/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng thành phố S kết luận: Chiếc tivi hiệu LG màn hình phẳng loại 43inch của anh Lê Trọng T trị giá 2.000.000đ.

Tổng cộng Đới Văn M trộm cắp tài sản của bà T, anh D, anh L, anh C và anh T trị giá là 53.500.000đ.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Q đã trả lại tài sản trên cho những người bị hại. Bà T, anh D, anh C, anh T đã nhận lại đầy đủ tài sản và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự. Anh L đã nhận lại tài sản, tuy nhiên do M đã làm hỏng màn hình Tivi anh L phải thay màn hình hết 3.950.000đ. Anh L yêu cầu M phải bồi thường giá trị màn hình cho anh.

Đối với Trình Xuân H1, Nguyễn Viết T2, Phạm Minh T1, Hoàng Văn H yêu cầu M phải trả lại số tiền đã mua tivi của M. Cụ thể: M phải trả lại cho anh H1 3.400.000đ, anh Nguyễn Viết T2 2.500.000đ, anh Phạm Minh T1 5.500.000đ và anh H 2.900.000đ. Anh Nguyễn Đức D không yêu cầu M phải trả lại số tiền 400.000đ anh đã mua điện thoại Oppo A37. Toàn bộ số tiền bán tài sản do trộm cắp M đã mua ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân hết.

Đối với Phạm Văn T3 cùng với M đem chiếc tivi của anh Trần Văn L đi bán. T3 không biết đây là tài sản do M trộm cắp mà có; do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với T3.

Đối với xe mô tô BKS 36F1-6450 M dùng làm phương tiện đi trộm cắp và tiêu thụ tài sản. Sau khi được thông báo ngày 24/11/2020 bà Lê Thị L (mẹ đẻ M) đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra. Quá trình điều tra, xác định đây là xe của ông Đới Văn C (là bố đẻ M). Chiếc xe trên ông C mua lại của ông Nguyễn Xuân B SN1963 ở thôn 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Việc M lấy xe của ông C đi trộm cắp và tiêu thụ tài sản ông không biết. Ngày 26/01/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Q đã trả lại xe mô tô trên cho ông C là phù hợp.

Tại bản Cáo trạng số 30/CTr - VKSQX ngày 20/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Đới Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo trong cáo trạng và đề nghị HĐXX căn cứ: điểm c Khoản 2 Điều 173 BLHS; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điểm h, g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS. Xử phạt: Đới Văn M từ 36 đến 42 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ. Bồi thường dân sự: Bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản không yêu cầu gì về phần dân sự, đề nghị HĐXX không xét. Đối với anh L đã nhận lại tài sản; tuy nhiên, do M làm hỏng màn hình tivi của anh, anh phải thay màn hình hết 3.950.000đ, anh yêu cầu M phải bồi thường. Đề nghị HĐXX buộc bị cáo M phải bồi thường cho anh L số tiền 3.950.000đ.

Buộc M phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H1 3.400.000đ, anh H 2.900.000đ, anh Nguyễn Viết T2 2.500.000đ, anh Phạm Minh T1 5.500.000đ. Đối với anh Nguyễn Đức D không yêu cầu M phải trả lại số tiền 400.000đ đã mua điện thoại Oppo A37 đề nghị HĐXX không xét.

Bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền; trình tự, thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 27/10/2020 đến ngày 19/11/2020, Đới Văn M đã có hành vi 04 lần trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Q và 01 lần trên địa bàn thành phố S. Tổng giá trị tài sản M trộm cắp là 53.500.000đ.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng, vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Với các tài liệu và chứng cứ đã nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Đới Văn M phạm tội Trộm cắp tài sản. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS.

[4] Hành vi Trộm cắp của Đới Văn M là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của các anh D, C, L, anh T và bà T một cách trái pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an và an toàn trong khu vực. Bị cáo không chịu khó lao động, tu dưỡng rèn luyện bản thân đã đua đòi ham chơi dẫn đến phạm tội. Bị cáo trộm cắp nhằm chiếm đoạt tài sản để có tiền mua ma túy sử dụng và tiêu sài cho cá nhân. Vì vậy cần thiết phải xử lý nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

{5} Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

+*Tình tiết tăng nặng*: Bị cáo đã có tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích lại phạm tội mới do cố ý, bị cáo phạm tội 05 lần; tuy nhiên, trước khi phạm tội bị cáo làm nghề phụ hồ với mức thu nhập bình quân hơn 200.000đ/ngày nên không lấy việc trộm cắp làm nguồn sống chính để nuôi sống bản thân được, bị cáo trộm cắp lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu sài cho cá nhân nên không áp dụng tình tiết định khung đối với bị cáo có tính chất chuyên nghiệp mà chỉ áp dụng điểm h, g khoản 1 Điều 52 BLHS để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Mặt khác bị cáo có nhân thân không tốt ngày 21/8/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

+*Tình tiết giảm nhẹ*: Bị cáo thành khẩn khai báo. Sau khi phạm tội đã đến Cơ quan Công an huyện Q đầu thú nên áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Xét thấy, cần thiết bắt bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục bị cáo sớm trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[6] *Bồi thường dân sự*: Bị hại anh D, anh C, bà T và anh T đã nhận lại đầy đủ tài sản, không yêu cầu gì về phần bồi thường dân sự nên HĐXX không xét. Đối với anh L đã nhận lại đầy đủ tài sản; tuy nhiên, quá trình trộm cắp M đã làm

hỏng màn hình tivi của anh L phải thay màn hình, vì vậy buộc bị cáo phải bồi thường cho anh L số tiền 3.950.000đ là phù hợp.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H1 3.400.000đ, anh Nguyễn Viết T2 2.500.000đ, anh Phạm Minh T1 5.500.000đ, anh H 2.900.000đ. Đối với anh Nguyễn Đức D không yêu cầu bị cáo M phải bồi thường số tiền 400.000đ, vì vậy HĐXX không xét.

[7] *Án phí*: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; Điểm h, g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS.

Tuyên bố: Bị cáo Đới Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- ***Xử phạt***: Đới Văn M 36 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 21/11/2020.

Bồi thường dân sự: Bị hại anh D, anh C, bà T và anh T đã nhận lại đầy đủ tài sản, không yêu cầu gì về phần bồi thường dân sự nên HĐXX không xem xét.

Buộc bị cáo M phải bồi thường cho anh Trần Văn L 3.950.000đ.

Buộc bị cáo M phải bồi thường cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H1 3.400.000đ, anh Nguyễn Viết T2 2.500.000đ, anh Phạm Minh T1 5.500.000đ và anh H 2.900.000đ.

Đối với anh Nguyễn Đức D không yêu cầu bị cáo phải bồi thường 400.000đ nên HĐXX không xem xét.

-***Án phí***: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Buộc bị cáo Đới Văn M phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. 912.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Minh T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại anh D, anh C, anh L, bà T, anh T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H, anh Nguyễn Viết T2, anh H1, anh D1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi,
nghĩa vụ liên quan;
- VKSND H.Quảng Xương;
- CAH.Quảng Xương;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Lý